TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HSST
Ngày: 22-4-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Kiên

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 42/2022/TLST – HS ngày 18 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Đình C, Tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 11 năm 1994 tại Gia Lai; Nơi cư trú: 47/3 N De, Tổ 01, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Cg, sinh năm 1970 và bà Trương Thị , sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: 02 lần (- Ngày 03/9/2019, bị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh Gia Lai ra áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động - Xã hội tỉnh Gia Lai, thời hạn 24 tháng. Ngày 10/4/2021, chấp hành xong thời hạn cai nghiện.

- Ngày 29/6/2021, bị Ủy ban nhân dân phường P Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp xử lý hành chính *"Giáo dục tại phường"* về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng. Ngày 30/9/2021, chấp hành xong thời hạn giáo dục).

Nhân thân: - Ngày 16/7/2011, bị Công an phường C L, TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng; bị cáo đã chấp hành xong.

- Ngày 10/11/2011, bị Công an phường P Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác; bị cáo đã chấp hành xong.

- Ngày 25/12/2017, bị Tòa án nhân dân TP.P, tỉnh Gia Lai xử phạt 12 tháng tù về tội: *"Cướp giật tài sản"* (theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009), tại Bản án số 169/HSST; chấp hành tại Trại tạm giam

Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 14/8/2018, chấp hành xong hình phạt tù (Bản án này đã được xóa án tích).

Bị cáo Nguyễn Đình C bị tạm giữ từ ngày 31/12/2021 đến ngày 06/01/2022, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an TP.P. Có mặt

Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại:

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 31 đường 16, phường P L B, quận 9, thành phố T Đ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Trương Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 1, phường P Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 1, phường H T, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình C là người đã bị kết án về tội: *"Cướp giật tài sản"* và nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng chất ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 29/12/2021, khi đang đi bộ trên trên đường T H, thuộc địa bàn Tổ 4, phường P Đ, TP.P, C thấy bà Nguyễn Thị Ngọc Q (sinh năm 1989, trú số 31 đường 16, phường P L B, Quận 9, TP.T Đ) đang chơi trong công viên và bà Q có để 01 túi xách bằng da màu đỏ, loại túi có một quai xách, nhãn hiệu Verchini trên sân công viên. Lợi dụng lúc bà Q mất cảnh giác, C đi đến lén lút chiếm đoạt túi xách trên của bà Q, rồi tẩu thoát; trong túi xách của bà Q có 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart, kiểu Bee màu xanh, bộ nhớ 16GB, 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và một số giấy tờ tùy thân. Sau khi chiếm đoạt được túi xách của bà Q, lấy tiền và điện thoại di động, rồi vứt túi xách và các giấy tờ còn lại bên đường. Điện thoại di động hiệu Vsmart, C mang đến cửa hàng điện thoại H T (số 302 đường H V, phường H T, TP.P) bán cho ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1987, là chủ của hàng) được 500.000 đồng; tiền bán điện thoại và số tiền 3.000.000 đồng có trong túi xách, C đã tiêu xài hết. Đối với bà Q, sau khi phát hiện bị mất túi xách đã đến Công an phường P Đ, TP.P trình báo. Đến ngày 31/12/2021, qua xác minh Công an phường P Đ nghi ngờ C là người đã thực hiện hành vi chiếm đoạt túi xách của bà Q, nên đưa C về làm việc. Tại Công an phường P Đ, C đã đầu thú và khai nhận hành vi lén lút chiếm đoạt túi xách của bà Q như nêu trên. Trên cơ sở lời khai của C, Công an phường P Đ phối hợp với Công an TP.P tiến hành làm việc với ông Q và thu giữ điện thoại di động hiệu Vsmart mà ông Q đã mua của C vào ngày 29/12/2021. Vụ việc sau đó được Công an phường P Đ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P xử lý. Đối với túi xách và các giấy tờ tùy thân của bà Q, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Qua định giá, xác định các tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc Q bị Nguyễn Đình C chiếm đoạt vào ngày 29/12/2021 có trị giá như sau: Điện thoại di động hiệu Vsmart trị giá 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng), túi xách trị giá 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại điện thoại di động cho bà Q.

Về dân sự: Quá trình điều tra vụ án, Nguyễn Đình C đã tác động bà Trương Thị H (là mẹ của C) bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc Q số tiền 3.070.000 đồng (ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Bà Q không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự và đề nghị xem xét, giảm nhẹ hình phạt đối với C. Ông Nguyễn Văn Q không yêu cầu C phải bồi thường số tiền đã chi ra để mua điện thoại di động do C mang đến bán.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Bản Cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 18 tháng 3 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Chinh mức án từ 1 năm đến 1 năm 3 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Phần bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng và các quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Đồng thời căn cứ vào bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL – HĐĐGTS ngày 10-01-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố P, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ ngày 29/12/2021, tại công viên trên đường T H, thuộc Tổ 4, phường P Đ, TP.P, tỉnh Gia Lai, lợi dụng sơ hở của bà Nguyễn Thị Ngọc Q (sinh năm 1989, trú số 31 đường 16, phường P L B, Quận 9, TP.Thủ Đức), Nguyễn Đình C đã lén lút chiếm đoạt của bà Q 01 (một) túi xách màu đỏ trị giá 70.000 đồng, bên trong có 01 (một) điện thoại di động hiệu Vsmart trị giá 450.000 đồng cùng với 3.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và một số giấy tờ tùy thân; tổng trị giá tài sản C chiếm đoạt của bà Q là 3.520.000 đồng (ba triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Ngày 31/12/2021, C ra đầu thú; điện thoại di động C chiếm đoạt, đã được thu hồi trả lại cho bà Q.

Bị cáo Nguyễn Đình C là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện đó là lỗi cố ý. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có trị giá 3.520.000 đồng do bị cáo Nguyễn Đình C thực hiện như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Đây là vụ án "Trộm cắp tài sản", hành vi của các bị cáo được xác định là tội phạm ít nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội.

[4] Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Đình C có nhân thân xấu đã bị kết án về tội "Cướp giất tài sản" và nhiều lần bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng chất ma túy. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú; được người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; căn cứ vào nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, căn cứ vào tính chất và

mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay. Xét mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức khởi điểm của đề nghị.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng" nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên HĐXX miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Phần bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét quyết định trong bản án.

[8] Đối với ông Nguyễn Văn Q, chủ cửa hàng điện thoại H T, là người đã mua điện thoại di động do bị cáo Nguyễn Đình C trộm cắp được mang đến bán, qua điều tra xác định: Khi mua điện thoại di động của C, ông Q không biết đó là tài sản do C trộm cắp mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không xem xét, xử lý về hình sự đối với ông Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Đình C 1 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 31/12/2021.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử buộc bị cáo Nguyễn Đình C phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia

Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. P;
- Công an TP. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm